

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO 2****TỜ TRÌNH****Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành  
Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chương trình làm việc của Chính phủ, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu mật mã dân sự) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

Luật An toàn thông tin mạng được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 10 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016. Để triển khai thực hiện Luật, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP và Nghị định số 32/2023/NĐ-CP ngày 09/6/2023 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2018/NĐ-CP.

Qua 08 năm thực hiện, Nghị định số 58/2016/NĐ-CP đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp tổ chức hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; và cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự. Tuy nhiên, để đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành; thực hiện có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh; đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý chất lượng, đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự; đồng thời tổ chức thực thi phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), phương án cắt giảm quy định, điều kiện kinh doanh, đã nảy sinh yêu cầu cần điều chỉnh các quy định hiện hành về quản lý mật mã dân sự. Nghị định số 58/2016/NĐ-CP cần được thay thế để đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

## **1. Yêu cầu triển khai nhiệm vụ được giao tại Luật An toàn thông tin mạng**

Tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, Luật An toàn thông tin mạng đã được thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Chương III Luật An toàn thông tin mạng quy định về mật mã dân sự, trong đó giao Chính phủ “ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và quy định chi tiết kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự” (khoản 5 Điều 31); “ban hành Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và quy định chi tiết xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự” (khoản 5 Điều 34). Thực hiện Luật An toàn thông tin mạng, tại Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, Chính phủ đã ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và quy định chi tiết kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự (tại Phụ lục I) và Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (tại Phụ lục II) và quy định chi tiết một số điều kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự. Bên cạnh đó, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 “Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện” ban hành kèm theo Luật Đầu tư sửa đổi năm 2020.

Qua 08 năm triển khai thực hiện, kết quả rà soát, đánh giá thực hiện Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự cho thấy một số nhóm sản phẩm hoặc sản phẩm đã không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung. Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép đã được cập nhật tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 32/2023/NĐ-CP cũng cần được thay đổi cấu trúc và nội dung, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự cũng như cơ quan hải quan thực hiện việc giám sát, thông quan hàng hoá.

Vì vậy, việc ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự tại Dự thảo Nghị định là cần thiết để tiếp tục triển khai công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực mật mã dân sự theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và phù hợp với thực tiễn kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự hiện nay.

## **2. Yêu cầu đồng bộ, phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính**

Ngày 13/11/2020, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 13/11/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022. Sau khi rà soát Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành

vi kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và sử dụng sản phẩm mật mã dân sự không còn phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung:

- Về mức tiền xử phạt vi phạm hành chính: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực an toàn thông tin đã điều chỉnh (từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng đối với hành vi vi phạm của cá nhân, 200 triệu đồng đối với tổ chức). Do đó, Nghị định số 58/2016/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung theo hướng xây dựng cơ cấu khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính phù hợp với quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

- Tại khoản 21 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ. Tuy nhiên, Nghị định số 58/2016/NĐ-CP chưa quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với chức danh Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Tại điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 381 Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định giới hạn về giá trị đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, tại Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, các chức danh này chỉ có thẩm quyền tịch thu đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt tối đa theo từng chức danh.

- Tại Nghị định số 58/2016/NĐ-CP thiếu các quy định có tính nguyên tắc để đảm bảo thực thi toàn bộ các quy định về xử lý vi phạm hành chính, do vậy cần được bổ sung tại Dự thảo để phù hợp với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về mật mã dân sự: quy định mức phạt tiền tối đa, quy định rõ mức tiền phạt áp dụng đối với tổ chức hay cá nhân; quy định rõ hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung và quy định chi tiết biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự.

Bên cạnh đó, qua công tác kiểm tra, thanh tra, cũng như yêu cầu thực tiễn đối với xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự và theo ý kiến của một số doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, cần bổ sung một số hành vi vi phạm các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và sử dụng sản phẩm mật mã dân sự (hành vi kinh doanh không đúng về đối tượng, phạm vi, quy mô, thời hạn, địa điểm ghi trên Giấy phép kinh

---

<sup>1</sup> Được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 74 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, theo đó bỏ quy định về giá trị không vượt quá mức tiền phạt đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

doanh; hành vi kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự mà giấy phép kinh doanh được cấp đã hết hiệu lực; hành vi kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép kinh doanh, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; hành vi không khai báo việc mất giấy phép kinh doanh...).

### **3. Yêu cầu tổ chức và triển khai các quy định về quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự**

Khoản 7 Điều 38 Luật An toàn thông tin mạng quy định: “*Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố và hướng dẫn thực hiện; xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*”.

Về trách nhiệm quản lý nhà nước, tại khoản 4 Điều 52 Luật An toàn thông tin mạng quy định Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng “*quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*”.

Theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự là loại hình kinh doanh có điều kiện (khoản 1 Điều 40), thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (khoản 1 Điều 34) và trước khi tổ chức, cá nhân đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường phải thực hiện chứng nhận hợp quy hoặc công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy (khoản 1 Điều 39).

Mặt khác, do tính chất đặc thù của sản phẩm mật mã dân sự có ảnh hưởng quan trọng tới hoạt động bảo mật, an toàn thông tin trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội, cần có sự quản lý chặt chẽ và thống nhất về chất lượng sản phẩm mật mã dân sự đang được kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam; do vậy cần có các quy định chi tiết nhằm tổ chức triển khai các hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự, trong đó tập trung vào các quy định để thực hiện quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp gồm: cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm mật mã dân sự; chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm mật mã dân sự; tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

Từ các cơ sở nêu trên, để thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, sử dụng sản phẩm mật mã dân sự, kịp thời đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân về chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm mật mã

dân sự; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện hệ thống pháp luật về quản lý mật mã dân sự, việc bổ sung các quy định chi tiết về tổ chức và triển khai các hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

#### **4. Yêu cầu về rà soát, cắt giảm quy định, điều kiện kinh doanh và phân cấp giải quyết thủ tục hành chính**

Hiện nay, Chính phủ đẩy mạnh công tác ban hành các chương trình về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, tổng thể cải cách hành chính nhà nước; chỉ đạo thực hiện đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính để thúc đẩy mạnh mẽ cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân.

Xuất phát từ các yêu cầu đó, Bộ Quốc phòng đã rà soát các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực mật mã dân sự quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định số 58/2016/NĐ-CP và đề xuất thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng<sup>2</sup> và Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ trong lĩnh vực mật mã dân sự<sup>3</sup>. Theo đó, tại dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự và ban hành các mẫu biểu theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa và phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự.

Xuất phát từ căn cứ pháp lý và thực tiễn áp dụng các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực mật mã dân sự, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự (thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP) là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Mục đích**

- Nhằm hoàn thiện thể chế, pháp luật về kinh doanh sản phẩm dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự để đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về mật mã dân sự;

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP; đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định của

<sup>2</sup> Ban hành tại Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 31/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng giai đoạn 2023 - 2025.

<sup>3</sup> Ban hành tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết Thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

Luật An toàn thông tin mạng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020;

- Cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí, rào cản không cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, đảm bảo môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh trong lĩnh vực mật mã dân sự;

- Thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định**

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật về chuyên ngành như: Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của nội dung dự thảo Nghị định trong hệ thống pháp luật và các văn bản làm căn cứ pháp lý;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Quốc phòng đã tiến hành soạn thảo Nghị định, cụ thể như sau:

1. Ngày 21/11/2023, Bộ Quốc phòng đã ban hành Báo cáo số 4540/BC-BQP về việc Tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

2. Ngày 07/02/2024, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có Quyết định số 569/QĐ-BQP ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 2024 của Bộ Quốc phòng; và Quyết định số 1097/QĐ-BQP ngày 22/3/2024 của Bộ Quốc phòng về việc thành lập Ban soạn thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự.

3. Ngày 04/4/2024, Ban Cơ yếu Chính phủ có Quyết định số 11/QĐ-BST ban hành Kế hoạch và thành lập Tổ biên tập xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự.

4. Tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật, nghiên cứu thông tin, tư liệu liên quan; tổ chức hội thảo; xin ý kiến bộ, ngành trung ương, các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp liên quan và đăng tải lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Bộ Quốc phòng tiếp thu tối đa ý kiến của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp.

5. Ngày...../..../2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số...../BCTĐ-BTP đối với dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

### **1. Bố cục**

Nội dung dự thảo Nghị định gồm phần căn cứ pháp lý gồm 05 chương, 17 điều và 03 phụ lục, cụ thể:

- Chương I - Những quy định chung (02 điều);
- Chương II - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (05 điều);
- Chương III - Đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự (03 điều);
- Chương IV - Xử lý vi phạm (04 điều);
- Chương V - Điều khoản thi hành (03 điều).

Các phụ lục kèm theo Nghị định gồm:

- + Phụ lục I: Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự;
- + Phụ lục II: Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép;
- + Phụ lục III: Mẫu hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định**

#### **2.1. Chương I - Những quy định chung**

Phạm vi điều chỉnh của Nghị định (Điều 1):

- Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thông tin mạng, bao gồm: khoản 5 Điều 31 về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; khoản 4 Điều 34 về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự và ban hành Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép.

- Biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng, gồm: trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, tạm đình chỉ và thu hồi Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự; thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự; xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự.

Đối tượng áp dụng Nghị định là các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự; tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự, người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

So với các quy định của Nghị định số 58/2016/NĐ-CP hiện hành, phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định về đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

2.2. Chương II - Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

Ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép và nguyên tắc áp dụng Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép; quy định chi tiết điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, trình tự, thủ tục cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Các quy định về trình tự, thủ tục cấp phép tại Chương này đã đồng bộ nhằm thực thi quy định về cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính và phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự.

So với Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (ban hành tại Phụ lục I, Phụ lục II Dự thảo Nghị định) đã có một số điều chỉnh phù hợp với thực trạng hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, đồng thời phù hợp với yêu cầu quản lý các sản phẩm mật mã dân sự hiện nay, cụ thể:

- Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự có 07 nhóm sản phẩm, trong đó:



+ Gộp nhóm “*Sản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã*” và nhóm “*Thành phần mật mã trong hệ thống PKI*” thành nhóm “*Sản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã*”;

+ Thay thế nhóm “*Sản phẩm bảo mật luồng IP và bảo mật kênh*” bằng nhóm “*Sản phẩm bảo mật luồng IP*”;

+ Bổ sung Danh mục sản phẩm mật mã dân sự loại trừ (từ 09 nhóm tăng lên 12 nhóm).

- Thay đổi cấu trúc và nội dung của Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (gồm tên sản phẩm, mã số HS, mô tả hàng hóa, mô tả đặc tính kỹ thuật mật mã) trên cơ sở kế thừa Danh mục sản phẩm mật mã dân sự xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 32/2023/NĐ-CP.

### 2.3. Chương III - Đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự

Chương này quy định về đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự, gồm: Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự; điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự. Hiện nay, điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa được quy định chi tiết tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đang trong Chương trình sửa đổi, bổ sung của Quốc hội (dự kiến thông qua cuối năm 2024). Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và ổn định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tại Nghị định này quy định “*Điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy sản phẩm mật mã dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa*”. Hoạt động thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ

thuật và trong trường hợp cần thiết, để phục vụ quản lý nhà nước về mật mã dân sự, Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định chấp nhận kết quả đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài có đủ năng lực.

So với các quy định của Nghị định 58/2016/NĐ-CP hiện hành, đây là những quy định mới nhằm triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng, đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm mật mã dân sự.

#### 2.4. Chương IV - Xử lý vi phạm

Chương này quy định về xử phạt vi phạm hành chính gồm các nội dung về hành vi vi phạm hành chính, đối tượng bị xử phạt, thời hiệu xử phạt, mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức, cá nhân, các hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực mật mã dân sự.

Chương này quy định chi tiết về xử lý vi phạm đối với các quy định về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, về thẩm quyền xử phạt của Thanh tra viên Cơ yếu, Chánh Thanh tra Cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành, Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Quản lý thị trường và quy định về thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự.

So với các quy định của Nghị định số 58/2016/NĐ-CP hiện hành, Chương này bổ sung một điều quy định chung về xử phạt vi phạm hành chính nhằm làm rõ phạm vi, đối tượng xử phạt; quy định mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt đồng bộ và phù hợp với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

#### 2.5. Chương V - Điều khoản thi hành

Chương này quy định hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành; theo đó về hiệu lực thi hành, các Nghị định số 58/2016/NĐ-CP, Nghị định số 53/2018/NĐ-CP và Nghị định số 32/2023/NĐ-CP của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực; doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự theo quy định tại các Nghị định trước đây mà vẫn còn thời hạn thì không phải làm lại thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, ba mươi (30) ngày trước khi giấy phép hết hạn, doanh nghiệp phải làm thủ tục xin cấp phép theo Nghị định này. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp cho doanh nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục có giá trị thực hiện thủ tục hải quan theo thời hạn ghi trên Giấy phép nếu tên gọi của sản phẩm phù hợp với mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

### **V. VỀ NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

1. Dự thảo Nghị định được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhằm cụ thể hóa các nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, sử dụng mật mã dân sự trên cơ sở thực tiễn quản lý đã được áp dụng ổn định trong 08 năm qua; phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về bảo mật, an toàn thông tin hiện nay.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung về trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp phép được quy định chi tiết nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực mật mã dân sự; không làm phát sinh tác động về giới, thủ tục hành chính và tổ chức, biên chế.

Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ) có trách nhiệm sắp xếp, bố trí, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chức năng thuộc quyền quản lý, bố trí cán bộ hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Nghị định này sau khi được ban hành.

2. Dự thảo Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh về tổ chức, bộ máy, nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành Nghị định so với việc thực hiện Nghị định số 58/2016/NĐ-CP.

3. Các cơ quan bộ, ngành, địa phương phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ trong tổ chức thực hiện hoạt động quản lý nhà nước về mật mã dân sự theo quy định.

## **VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (nếu có)**

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật An toàn thông tin mạng về mật mã dân sự, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm Hồ sơ dự thảo Nghị định: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (6) Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; (7) Báo cáo Tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP; (8) Bản sao văn bản tham gia ý kiến của các ban, bộ, ngành, địa phương).*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các đ/c Thứ trưởng;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Văn phòng/BQP;
- Lưu: VT, BCY. HL17.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đại tướng Phan Văn Giang**